

Bản án số: 142/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 01-02-2021

V/v tranh chấp: Ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lương Quốc Việt

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Phạm Nguyễn Anh Tuấn

Bà Phạm Thị Bích Loan

***- T ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thảo Vy – T ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Bà Trần Thị Hải Huyền – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 02 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 1359/2020/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2020 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Ông Trần Thái Quang M, sinh năm 1983; HKTT: Số N đường T, khu phố B, phường T, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có đơn xin vắng mặt)

***- Bị đơn:*** Bà Nguyễn Thị Thùy D, sinh năm 1985; HKTT: Số H đường T, Phường M, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có đơn xin vắng mặt)

**NỘI D VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, tại các bản tự khai, biên bản ghi nhận ý kiến; nguyên đơn là ông Trần Thái Quang M đã trình bày ý kiến và yêu cầu như sau: Ông và bà Nguyễn Thị Thùy D tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 08/10/2013 tại Ủy ban nhân dân phường 15, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng của ông hạnh phúc bình Tòng

nhưng về sau thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai bên không hợp nhau về quan điểm sống và đã ly thân đến nay đã 05 năm. Nay cảm thấy hạnh phúc gia đình không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng nên ông Trần Thái Quang M yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Nguyễn Thị Thùy D.

Trong quá trình chung sống, ông Trần Thái Quang M và bà Nguyễn Thị Thùy D có 01 người con chung tên: Trần Nguyễn Minh T, sinh ngày 06/9/2014. Hiện nay cháu Minh T đang sinh sống cùng bà D. Sau khi ly hôn, ông M đồng ý giao con chung tên Trần Nguyễn Minh T, sinh ngày 06/9/2014 cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng. Ông M cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.000.000 đồng (một triệu đồng).

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân quận Gò Vấp đã tiến hành tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng gồm, thông báo thụ lý, giấy triệu tập đương sự, thông báo phiên họp kiểm tra giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, kết quả phiên họp kiểm tra giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ, quyết định định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên Tòa theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên bà Nguyễn Thị Thùy D có đơn xin vắng mặt và không có ý kiến gì đối với yêu cầu ly hôn của ông M.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Tòa án nhân dân quận Gò Vấp thụ lý giải quyết vụ án theo đúng thẩm quyền được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Đảm bảo vụ án được đưa ra xét xử theo thời gian luật định quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự cụ thể: Đã thụ lý đúng thẩm quyền, tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tổng đạt cho các đương sự các văn bản tố tụng, ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử và tổng đạt cho Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp theo đúng quy định tại các Điều 208, Điều 175, Điều 177, Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự.

Hội đồng xét xử và T ký đã tuân theo đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào bản sao trích lục kết hôn số 128, quyển số 01/2013 của Ủy ban nhân dân phường 15, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, xác định quan hệ hôn nhân giữa ông Trần Thái Quang M và bà Nguyễn Thị Thùy D là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Ông M và bà D chung sống không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra tranh cãi, bất đồng, hiện không còn quan tâm chăm sóc nhau. Nay ông M yêu cầu ly hôn. Căn cứ các Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông M; Về con chung: hiện tại cháu T đang sống với bà D và ông M yêu cầu giao con chung cho bà D nuôi dưỡng, ông M tự nguyện cấp dưỡng cho con 1.000.000 đồng/1 tháng, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về tài sản chung, nợ chung: Các bên không yêu cầu tòa án giải quyết; Về án phí: Giải quyết theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thủ tục tố tụng:

[2] Ông Trần Thái Quang M khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị Thùy D. Bà D có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ: Số H đường T, Phường M, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (theo kết quả thu thập tài liệu chứng cứ số 530 ngày 05/11/2020 của Công an Phường 15, quận Gò Vấp). Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án tranh chấp về ly hôn và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Về thủ tục xét xử vắng mặt: Bị đơn là bà Nguyễn Thị Thùy D đã được Tòa án nhân dân quận Gò Vấp tổng đạt, niêm yết giấy triệu tập đương sự, thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo về kết quả việc kiểm tra giao nộp chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử theo khoản 1, khoản 2 Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nhưng bà D và ông M đều có đơn xin vắng mặt và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên căn cứ quy định Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông Trần Thái Quang M và bà Trần Thị Thùy D.

[4] Về yêu cầu của nguyên đơn: Xét yêu cầu của ông Trần Thái Quang M được ly hôn với bà Nguyễn Thị Thùy D; Hội đồng xét xử xét thấy: Hôn nhân giữa ông Minh và bà D là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật công nhận theo giấy chứng nhận kết hôn số 128, quyển số 01/2013 ngày 08/10/2013 của Ủy ban nhân dân phường 15, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

[5] Căn cứ lời khai của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án, căn cứ kết quả thu thập chứng cứ về tình trạng hôn nhân giữa ông Trần Thái Quang M và bà Nguyễn Thị Thùy D của Hội phụ nữ Phường 15, quận Gò Vấp, Hội đồng xét xử xét thấy cuộc sống vợ chồng giữa ông Minh và bà D có mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, suy nghĩ lẫn cách sống. Cả hai đã ly thân và không còn chung sống với nhau đã 05 năm nay. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà D và ông M vắng mặt, qua đó thể hiện bà D và ông M không có thiện chí để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hạnh phúc gia đình phải được xây dựng từ cả hai bên, nhưng từ khi thụ lý giải quyết vụ án đến nay, Tòa án cũng đã tạo điều kiện về thời gian để ông M và bà D có thể tự hòa giải những mâu thuẫn với nhau nhưng không thành. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa ông M và bà D không còn khả năng hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài. Do đó căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình

năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Trần Thái Quang M đối với bà Nguyễn Thị Thùy D.

[6] Về quan hệ con chung: Trong thời gian chung sống, ông M và bà D có 01 con chung tên Trần Nguyễn Minh T, sinh ngày 06/9/2014, hiện đang sinh sống cùng với bà D. Hội đồng xét xử xét thấy việc giao con cho ai nuôi dưỡng cần phải xem xét đến quyền lợi của con chưa thành niên. Xét thấy từ trước đến nay trẻ Trần Nguyễn Minh T chung sống cùng bà D. Để tránh sự xáo trộn về cuộc sống cũng như sinh hoạt của trẻ, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao con chung là cháu Trần Nguyễn Minh T cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng theo yêu cầu của ông M là hoàn toàn có cơ sở và phù hợp với quy định pháp luật.

Ông M tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.000.000 đồng đến khi cháu T đủ tuổi trưởng thành.

[7] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[8] Về án phí: Căn cứ theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông M phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của ông Trần Thái Quang M

- Ông Trần Thái Quang M, sinh năm 1983 được ly hôn với bà Nguyễn Thị Thùy D, sinh năm 1985.

Giấy chứng nhận kết hôn số 128, quyển số 01/2013 ngày 08/10/2013 của Ủy ban nhân dân phường 15, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông M và bà D không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực.

- Về quan hệ con chung: Giao con chung là trẻ Trần Nguyễn Minh T, sinh ngày 06/9/2014 cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Ông M tự

nguyên cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng. Bắt đầu thi hành từ khi án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu T đủ tuổi trưởng thành.

- Ông M được quyền thăm nom chăm sóc giáo dục con. Vì lợi ích của con, khi cần thiết hoặc khi có lý do chính đáng một hoặc hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Ông M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

## 2. Về án phí:

Ông Trần Thái Quang M phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng và án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng. Nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng ông M đã nộp theo biên lai thu tiền số 0027228 ngày 28/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông M phải nộp thêm 300.000 đồng.

## 3. Quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

### **Nơi nhận:**

- TAND TPHCM;
- VKSND Quận Gò Vấp;
- Chi cục THADS Quận Gò Vấp;
- UBND Phường 15, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lương Quốc Việt**